TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MINH HÓA** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2025
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Thu Ngà

Bà Đinh Thị Của

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký thường trú: thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: số A đường B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Cao Xuân T1, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Cao Xuân Tình T2 tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 10/5/2011. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc, nên chị T muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị T xin ly hôn với anh T1.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Cao Xuân A, sinh ngày 06/7/2011 khi ly hôn, chị T giao con cho anh T1 nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Xuân T1 trình bày:

Anh và chị T là vợ chồng hợp pháp, anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị T cố tình kiếm chuyện rồi nộp đơn ly hôn, anh không đồng ý với ý kiến ly hôn của chị T.

Về con chung, anh và chị T có 01 con chung như lời trình bày của chị T, hiện nay con đang sống với anh.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 217, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Về quan hệ hôn nhân: cho chị T ly hôn anh T1. Về quan hệ con chung: giao con chung là cháu A cho anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.750.000 đ. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét. Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Thái Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con con chung khi ly hôn với anh Cao Xuân T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh T1 có nơi cư trú tại thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Cao Xuân T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T3 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Tình tự N kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị T xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hiện nay đã sống ly thân với nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay đã sống ly thân. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên, chị T có đơn đề nghị không hòa giải. Có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T4 đối với anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: chị T và anh T1 có 01 con chung tên Cao Xuân A, sinh ngày 06/7/2011, hiện nay đang sống với anh T1. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao con cho anh T1 nuôi dưỡng.

Xét thấy, con chung đang sống với anh T1, cháu có nguyện vọng muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu A cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy, anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi thàng 1.750.000 đ.

[2.4] Đối với quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27, điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Các điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thái Thị T và anh Cao Xuân T1.

1.2. Về quan hệ con chung:

Anh Cao Xuân T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Xuân A, sinh ngày 06/7/2011.

Giao con chung là Cao Xuân A, sinh ngày 06/7/2011cho anh Cao Xuân T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thái Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom đển cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có

quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thái Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000672 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Chị Thái Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn*)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Minh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh